

Phẩm 5: HIỀN THÁNH

Đã nói thứ lớp lưu chuyển, nay sẽ nói về thứ lớp không lưu chuyển.

*Hiền Thánh bỏ như đây,
Lo sợ các phiền não
Trí phương tiện tinh tiến
Khéo nghe phương tiện đó.*

Hiền Thánh là bậc đáng được thọ nhận cúng dường của trời, người, nên gọi là Hiền Thánh.

Bỏ nghĩa là lìa bỏ. Như: Nếu là phương tiện thì nghĩa như vậy. Đây là nói về sử theo thứ lớp, là luận về tướng mạo của sử. Phiền não là thường nối tiếp nhau làm phiền nhọc, mỗi một chúng sinh, nên gọi là phiền não.

Các thứ lo sợ dữ dội: là nghĩa nhân của tất cả khổ não.

Chánh tinh tiến nghĩa là tinh tiến như pháp.

Trí phương tiện là nghĩa của trí Xa-ma-tha lúc chế ngự phát xả.

Phương tiện là nghĩa phương tiện của trí kia.

Lắng nghe kỹ là dốc lòng nghe: Nghĩa là nghe biết, nhiếp giữ.

Phương tiện: Căn cứ vào nghiệp đầu. Người của địa, cho đến người của địa Vô học, đã tạo nên phương tiện hành v.v... nay sẽ nói: về nghiệp ban đầu.

*Bắt đầu một phần thân
Hành giả buộc tâm mình
Ràng buộc với chân thức
Giết kẻ thù trí tuệ.*

Bắt đầu từ một phần thân, hành giả buộc tâm mình. Hỏi: Buộc tâm ở chỗ nào?

Đáp: Hoặc ở chót mũi, hoặc giữa hai đầu chân mày, bất tịnh, sở tức. Giới, nhập, ba phương tiện quán.

Nói buộc tâm trong phần thân mình, là không phải pháp ở bên ngoài, dù có phương tiện duyên với bên ngoài cũng không nói.

Hỏi: Vì sao buộc tâm?

Đáp: Là buộc chân thức, tâm tánh thô tháo, loạn động, chuyển biến không ngừng, như vượn khỉ kinh hoảng. Đây là nghĩa buộc trong một duyên.

Hỏi: Vì sao buộc trong một duyên?

Đáp: Vì giết kẻ thù của trí tuệ. Kẻ thù của thật trí, đó là phiền não.

Vì nghĩa dứt trừ phiền não kia nên nhất tâm, được quán như thật, không phải với tâm tán loạn. Vì nhận thấy như thật, cho nên có khả năng dứt trừ phiền não, vì nghĩa này nên nói như vậy.

Phương tiện này ở thân

Tướng chân thật quyết định

Các thọ và tự tâm

Pháp cũng thuận theo quán.

Vì tâm buộc một duyên, nên quán thật tướng của thân, thật tướng của thân nghĩa là không có tướng điên đảo.

Hỏi: Thật tướng của thân là gì?

Đáp: Là tự tướng và cộng tướng. Tự tướng là mười sắc nhập và phần ít sắc trong pháp nhập. Cộng tướng là vô thường, khổ, không, vô ngã, những nghĩa như vậy, v.v... Hành giả tâm không tán loạn trong ba phương tiện tùy ý hiện trước mặt, thực hành phương tiện theo thứ lớp, thật tướng của thân được quyết định.

Hành giả này quán sắc vi trần, trong niệm niệm tán hoại. Bấy giờ, quán thân niệm xứ đầy đủ, như cách nước chảy ở ruộng, mà vào thọ niệm xứ. Vì thọ là thô sơ nhất trong pháp Vô Sắc, nên sau khi quán thân, kế đến quán thọ, người này sẽ quán tự tướng và cộng tướng của thọ. Lúc ấy, thọ niệm xứ đầy đủ. Thọ ấy dựa vào tâm, nên sau thọ mới quán tâm. Xứ này cũng quán tự tướng và cộng tướng. Ý quyết định hiểu tâm niệm xứ đầy đủ. Lúc ấy, quán pháp còn lại, đi vào pháp niệm xứ. Pháp còn lại đó là hai ấm và pháp vô vi. Pháp đó cũng quán tự tướng và cộng tướng, bấy giờ thì pháp niệm xứ đầy đủ.

Vào trong pháp quán tổng

Được tướng chân thật pháp

Bốn pháp này vô thường

Không, vô ngã, chẳng vui.

Vào trong pháp quán tổng, được tướng chân thật của pháp: Nghĩa là vào pháp niệm xứ còn lại rồi, hành giả biết giới hạn duyên với niệm xứ, tu phương tiện. Đối với cộng tướng còn lại, của hết thủy pháp là hoại, duyên với niệm xứ, thường quen tu tập thân thọ, duyên với cộng tướng là pháp niệm xứ.

Thân tâm như vậy, duyên với ba, hai như vậy, phải biết duyên hoại như vậy thường quen tu tập duyên với hoại rồi, thì tất cả thân, thọ, tâm, pháp niệm xứ đồng loạt đều là trong quán tổng.

Hỏi: Như thế nào?

Đáp: Bốn pháp này là vô thường, không, vô ngã, chẳng vui. Quán

tổng tất cả các pháp hữu vi với nghĩa vô thường v.v... như vậy. Vì mỗi mỗi niệm, lần lượt hư hoại, tiêu mất cho nên là vô thường. Vì hư giả nên là không. Vì không tự tại nên vô ngã. Vì ba nỗi khổ thường xuyên theo đuổi, nên chẳng vui. Người tu hành kia, muốn hoại bỏ phiền não, phải tìm cho được đầu mối của chúng. Như sự khác nhau về nhân quả của pháp đã thấy mà phân biệt về đế, trong đó có hai thứ nhân quả: Hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu: Là Tập nhân, Khổ quả. Vô lậu: Là Đạo nhân, Diệt quả. Người tu hành kia, phân biệt đế như vậy rồi, đầu tiên phát khởi hướng theo thứ lớp văn, tư, về tự tướng và cộng tướng của niệm xứ, nhiếp lấy giới hạn, duyên với sự phân bố trong đế. Lúc đó, là lấy tướng hoại duyên với niệm xứ, và trong bốn đế tư duy thành mười sáu hành quán.

*Từ đây gọi là Noãn
Hiểu biết (giác) pháp mà sinh
Mười sáu hành đều khởi
Quán sát bốn Thánh đế.*

Từ đây gọi là Noãn, ở giác pháp mà sinh, nghĩa là hành giả tư duy niệm xứ cộng pháp. Sự việc tu lúc ban đầu và về sau, cộng pháp niệm xứ bậc Thánh được kiến lập nối nhau, Thánh giả gọi là căn thiện noãn.

Hỏi: Pháp đó có bao nhiêu hành và thuộc cảnh giới nào?

Đáp: Mười sáu hành cùng khởi, quán sát bốn Thánh đế, nghĩa là hành giả dùng mười sáu hành quán sát bốn đế. Họ dùng bốn hành quán sát Khổ đế. Khổ này vốn không, nay có, đã có rồi lại lìa bỏ, cho nên là vô thường, ba khổ theo đuổi cho nên khổ. Bên trong lìa người nên không, không tự tại nên vô ngã.

Như vậy, cũng dùng bốn hành quán sát Tập đế. Vì tập này sinh quả tương tự, cho nên là nhân. Vì năng sinh lưu chuyển, cho nên là tập. Có thể lôi kéo tất cả sự sống chết, cho nên là hữu. Vì có thể hòa hợp những việc không giống nhau, cho nên là duyên.

Cũng dùng bốn hành quán sát Diệt đế. Diệt này mâu thuẫn với tất cả sự sống chết cho nên là diệt. Vì lìa của tất lửa cả phiền não cho nên là chỉ. Vượt hơn tất cả pháp cho nên là diệu. Có khả năng xả bỏ sự sống chết cho nên là ly.

Cũng dùng bốn hành quán sát Đạo đế. Đạo này có khả năng đạt đến phi phẩm cho nên là Đạo. Vì không điên đảo cho nên là chánh. Vì là nơi tất cả bậc Thánh đã đặt chân đi qua cho nên là Tích, vì vượt ra khỏi sinh tử cho nên là xuất.

Hỏi: Noãn có nghĩa là gì?

Đáp: Noãn là đối tượng nhận biết của trí. Như đèn lửa, có khả năng dứt hết các hữu, sinh lửa trí vô lậu, vì noãn là tướng, nên gọi là Noãn.

Pháp ấy tăng trưởng rồi

Sinh Đảnh, và đến Nhẫn

Kế pháp Thế đệ nhất

Nương vào một sát na!

Pháp này tăng trưởng, rồi sinh Đảnh và cả Nhẫn, nghĩa là hành giả nhập chánh tinh tiến, nên được trợ đạo tốt đẹp. Vì thuận theo các lực thắng tấn tăng trưởng đầy đủ, nên sau khi Noãn đã được lớn mạnh và thành tựu, người kia sẽ tu tất cả niệm xứ cộng pháp, sinh khởi căn thiện thù thắng gọi là Đảnh.

Hỏi: Đảnh nghĩa là gì?

Đáp: Là căn thiện bất động. Lúc người đó ở đảnh này, vì đã lia bỏ mọi lỗi lầm nên có khả năng nhập vào Nhẫn. Nếu người đó không tiến bước lên mà lùi lại thì trụ vào Noãn. Khác nào như người trèo lên núi, nếu không leo lên đến đỉnh thì sẽ rơi xuống bốn bên. Hành giả cũng vậy, vận dụng chánh phương tiện một cách liên tục, sau khi đảnh tăng trưởng thì kế sinh căn thiện, gọi là thuận để nhẫn, là tu tất cả cộng pháp niệm xứ, để tinh tiến tốt đẹp nơi hai pháp đó, hành giả dùng mười sáu hành quán sát bốn đế.

Hỏi: Nhẫn có nghĩa là gì?

Đáp: Đối với các hành như bốn đế, vô thường, v.v... với sức ưa muốn lớn mạnh, nên gọi là Nhẫn. Do vậy, gọi là thuận để nhẫn, có công năng dứt trừ ngu tăng thượng đối với bốn đế. Noãn, Đảnh có công năng dứt trừ ngu phẩm hạ, trung về bốn đế, không phải nhẫn tăng thượng. Tăng trưởng rồi, kế là pháp Thế đệ nhất căn cứ vào một sát-na. Sau khi nhẫn đã tăng trưởng, tất cả cộng pháp niệm xứ đều tinh tiến tốt đẹp hơn, nên sinh căn thiện cũng tốt đẹp hơn hết trong tất cả công đức thế gian. Vì, hành giả kia bắt đầu mở cửa Thánh đạo, nên gọi là pháp Thế đệ nhất.

Có thuyết nói: Vì hơn hết trong thế gian, nên gọi là pháp Thế đệ nhất. Pháp này khởi lên trong một sát-na. Hành giả kia mở cửa Niết-bàn, diệt theo thứ lớp duyên với khổ pháp nhẫn, một niệm Noãn, Đảnh, Nhẫn và công đức trên hết của pháp đó. Tất cả căn thiện này, đều là tánh của năm ấm.

Hỏi: Ông nói pháp Thế đệ nhất làm thứ lớp duyên cho Thánh đạo, sao lại nói là tánh của năm ấm?

Đáp: Vì tâm, tâm sở pháp duyên với sắc theo thứ lớp và tâm bất tương ứng hành, đều thuận theo một quả, nên chẳng phải lỗi.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất này duyên với cái gì?

Đáp: Duyên với khổ đế, nghĩa là duyên với khổ đế của pháp đó.

Hỏi: Có bao nhiêu hành?

Đáp: Có bốn hành. Nếu cảnh giới của khổ đế là bốn hành như đã nói trên, thì đó là hành kia, hành đây.

Hỏi: Thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Sáu địa sinh, phải biết đó là thiên vị lai, trung gian và bốn thiên căn bản.

Hỏi: Đạt phần căn thiện khác thuộc về bao nhiêu địa?

Đáp: Phần căn thiện khác cũng căn cứ vào sáu địa, căn thiện kia cũng thuộc sáu địa, như pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Vì sao đạt phần căn thiện thuộc về sáu địa?

Đáp: Vì từ căn thiện đó có công năng phát sinh kiến đạo. Địa đó có kiến đạo, có xứ sở của kiến đạo, tức là có các căn thiện này. Vì sao? Vì là quyến thuộc của kiến đạo, cho nên như thế.

Pháp bậc nhất thế gian

Kế đó sẽ khởi nhãn

Sau nhãn là sinh trí

Hiểu được khổ cõi dưới.

Pháp bậc nhất thế gian, kế đó sẽ khởi nhãn: Lớp noãn v.v... theo thứ lớp, sinh phần nhân như trên, cho đến năng sinh pháp Thế đệ nhất. Thứ lớp của pháp thế đệ nhất sinh khởi pháp vô lậu. Kiến khổ thì dứt của cõi Dục, đối trị với mười sử, gọi là Khổ pháp Nhãn. Vì xưa kia chưa thấy pháp, nay muốn hiểu biết và ưa thích, nên gọi là nhãn. Nhãn này là đạo vô ngại, vô lậu trước nhất.

Kế nhãn là phát sinh trí, nghĩa là theo thứ tự, khổ pháp nhãn sinh khởi khổ pháp trí, đó là tự tánh của đạo giải thoát.

Hỏi: Nhãn trí này duyên với pháp nào?

Đáp: Nhãn trí này có công năng giác ngộ khổ ở cõi dưới, khổ ở cõi dưới là khổ cõi Dục. Hai thứ duyên này đều là nghĩa như vậy.

Gọi khổ Sắc, Vô Sắc

Tập, diệt, đạo cũng vậy

Pháp này là vô gián

Từ nơi mười sáu tâm.

Gọi khổ Sắc, Vô Sắc: Nghĩa là khổ của cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Sinh nhãn trí nơi đạo vô ngại và đạo giải thoát, thì bậc Thánh

cũng gọi là khổ tử nhãn, khổ tử trí.

Tập, diệt, đạo cũng vậy, nghĩa là tập, diệt, đạo cũng sinh ra bốn thứ như thế. Hai nhãn với nghĩa khác là đạo vô ngại, hai trí là đạo giải thoát. Pháp này là vô gián, v.v... Từ nơi mười sáu tâm: Nghĩa là khoảng mười sáu tâm này đã thành tựu vô gián v.v... Vô gián v.v... là nghĩa kiến, khoảng mười lăm tâm này là kiến đạo. Một tâm sau cùng là gồm nhiếp tu đạo. Từ tu đạo ấy gọi là địa tu, cho đến định Kim Cương dụ. Từ đây về sau được gọi là địa việc phải làm đã làm xong.

Nói lược về ba địa: Là địa kiến, địa tu và địa vô học, thuận theo địa này kiến lập con người, nay sẽ nói:

Tùy pháp hành, lợi kiến

Đây ở mười lăm tâm

Tùy tín hành, phi lợi

Nên biết, cũng ở đó.

Tùy pháp hành là kiến nhạ bén. Kiến này ở trong mười lăm tâm, nghĩa là người của mười lăm tâm thuộc về kiến đạo. Nếu là người có căn cơ nhạ bén, gọi là Tùy pháp hành. Vì trí tuệ là Tùy pháp hành, nên gọi là tùy pháp hành. Chướng ngại của hạnh này là không tin ở nghĩa khác.

Tùy tín hành không phải là căn cơ nhạ bén, nên biết cũng ở trong đó, nghĩa là người của mười lăm tâm này, nếu người tuệ yếu kém, gọi là Tùy tín hành, là tin vào pháp khác mà được nghĩa hành, người đó tin tưởng, thuận theo tuệ hiện ở trước mặt. Trái với hành đó gọi là pháp hành.

Chưa lìa dục cõi Dục

Hướng về quả đầu tiên

Thứ hai xả ở sáu

Thứ ba, chín vô cấu.

Chưa lìa dục cõi Dục, hướng về quả đầu tiên: Nghĩa là người Tùy tín hành, Tùy pháp hành này đã có đủ tất cả sự ràng buộc, trước chưa lìa dục, còn tất cả trói buộc, tiến đến phần quyết định, gọi là Hướng quả Tu-đà-hoàn. (Tu đà hoàn Hướng)

Thứ hai xả ở sáu, tức là cõi Dục do tu đạo mà dứt phiền não, có chia ra chín thứ, đó là: Hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Trung hạ, trung trung, trung thượng. Thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Người Tín hành, Pháp hành kia ở địa phàm phu, sau khi đã cắt đứt sáu thứ phiền não, nhập quyết định, lúc đó được gọi là Hướng quả Tu-đà-hàm.

Thứ ba, chín vô cấu, nghĩa là sau khi cắt đứt chín thứ phiền não, nhập quyết định, bấy giờ mới được gọi là Hương quả A-na-hàm. (A na hàm Hương)

*Nếu đến mười sáu tâm
Là nói trụ ở quả
Kiến kém, tín giải thoát
Kiến tịnh, gọi Kiến đáo.*

Nếu đến mười sáu tâm, gọi là trụ ở quả: Ở đạo mười sáu tâm, tỷ trí tương ứng với tâm đố phát sinh. Căn cơ nhạy bén, căn cơ yếu kém, đều gọi là trụ ở quả. Trước chưa lia dục quả Tu-đà-hoàn, thì đã lia sáu thứ dục quả Tư-đà-hàm, và lia chín thứ dục quả A-na-hàm.

Kiến yếu kém, tín giải thoát: tức là người căn cơ yếu kém sẽ hướng đến trong địa, được gọi là Tín hành. Người đó trụ ba quả, gọi là tín giải thoát.

Kiến tịnh gọi là Kiến đáo, tức là người có căn cơ nhạy bén đó đã trụ quả, được gọi là Kiến đáo.

*Chưa hết tu đạo dứt
Phải biết bảy qua lại
Gia gia có ba hết
Ấy trụ Tu-đà-hoàn.*

Chưa hết tu đạo dứt, phải biết có bảy lần qua lại: Nghĩa là người này trụ quả nhưng vì chưa cắt đứt tu đạo dứt, nên biết có bảy lần sống chết. Chịu bảy lần sinh trong cõi người, bảy lần sinh lên các tầng cõi Dục và hai mươi tám lần Trung ấm, sinh đều tiếp nhận. Vì bảy lần sinh nên gọi là Thất sinh, như cây bảy lá, như thiện bảy xứ.

Gia gia đều có ba thứ dứt hết, nghĩa là nếu trụ quả, người phạm phu sẽ có ba thứ dứt hết, do trong tu đạo dứt của cõi Dục: Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, phạm phu gọi là Gia gia.

Gia gia là từ nhà này đến nhà khác, qua lại, rồi nhập Niết-bàn, nên gọi là Gia gia.

Trong cõi người có hai, ba nhà, trong cõi trời có hai, ba nhà qua lại. Nhà này có hai loại: Gia gia của người và Gia gia của trời. Do sự khác nhau của nghiệp căn dứt phiền não, nên gọi là Gia gia.

Nghiệp nghĩa là trong phần hai ba nhà phạm thọ phu nhận có tập nghiệp. Căn là được căn vô lậu, dứt phiền não là dứt hai thứ, bốn thứ phiền não.

Người đó trụ Tu-đà-hoàn, tức người đó đã bảy lần qua lại và đạt Gia gia, gọi là trụ quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Vì sao gọi là Tu-đà-hoàn?

Đáp: Tu-đà dịch là dòng Thánh đạo, hoàn dịch là vào. Nếu người nối tiếp nhau, đầu tiên thấy, tu đạo, vào dòng Thánh kia thì người này được quả Tu-đà-hoàn nên gọi là Tu-đà-hoàn, như người nữ mang thai lấy pháp đặt tên người.

*Sáu hết, Tư-đà-hàm
Lìa tám, một hạt giống
Chín phẩm hết, Bất hoàn
Vì đã thoát bần dục.*

Sáu thứ dứt hết là Tư-đà-hàm: Tức là người nào dứt hết sáu thứ, đó là ba thứ thuộc phẩm thượng, ba thứ thuộc phẩm trung, là Tư-đà-hàm. Từ đây chết đi, sinh lên cõi trời, lại sinh trong cõi người, rồi nhập Niết-bàn, được gọi là Tư-đà-hàm.

Lìa tám, một hạt giống nghĩa là một đời là nghĩa hạt giống. Người đó chỉ có một đời, hoặc người, hoặc trời có hai thứ, một hạt giống, đó là người một hạt giống, trời một hạt giống, hoặc phiền não khác nhau, gọi là một hạt giống. Người kia chỉ có một hữu còn lại chưa dứt hết, nên gọi là một hạt giống. Người này vì hưởng quả A-na-hàm, phải biết là trong quả Tư-đà-hàm gồm nhiếp thẳng đạo.

Chín phẩm dứt hết là Bất Hoàn: Nghĩa là người cõi Dục, dứt tất cả chín thứ phiền não, gọi là A-na-hàm, vì không còn sinh trở lại cõi Dục nữa, nên gọi là A-na-hàm.

Hỏi: Vì sao không trở lại?

Đáp: Vì đã ra khỏi vũng bần ái dục, vì ra khỏi vũng bần ái dục nên không còn trở lại cõi Dục nữa.

*Chín phiền não như vậy
Ở tại tám địa trên
Do hai đạo mà đoạn
Là lời Thế Tôn nói.*

Chín phiền não như vậy, ở tại tám địa trên, tức là tu đạo của cõi Dục dứt phiền não như trước đã nói. Chín thứ phiền não từ hạ hạ cho đến thượng thượng, phải biết tám địa cũng như vậy. Đó là bốn thiền, bốn định Vô Sắc. Do hai đạo mà đoạn, là lời Thế Tôn đã nói: Nghĩa là phiền não ba cõi, phải biết là do đạo vô ngại, giải thoát mà đoạn. Đạo vô ngại dứt kết, được đạo giải thoát, chứng đạo giải thoát hạ hạ, đoạn chủng thượng thượng, cho đến đạo thượng thượng đoạn chủng hạ hạ.

Trên đây là nói sơ lược một trăm bảy mươi tám đạo và kiến đạo.

Hỏi: Thế nào là đạo quyết định xuất thế gian, có dứt phiền não

hay không?

Đáp: Không.

Vì sao?

Đạo có cấu, không cấu

Đều vượt hơn tám địa

Trụ địa gọi thân chứng

Là được chánh thọ diệt.

Đạo có cấu, không cấu, đều có khả năng vượt hơn tám địa: Nghĩa là có cấu là đạo thế gian, không cấu là đạo vô lậu.

Tám địa kia, bốn thiền của cõi Dục, ba định Vô Sắc, đạo thế gian, xuất thế gian, đều có khả năng vượt hơn Hữu đảnh kia, tất nhiên đạo xuất thế gian có khả năng vượt qua đạo thế tục nọ. Cũng là đạo vô ngại, đạo giải thoát, đạo vô ngại kia có ba thứ chuyển biến, đó là khổ thô chướng ngại. Đạo giải thoát, cũng có ba thứ, đó là trên hết, mẫu nhiệm và đạo xuất thế gian. Như trước đã nói, hành vô thường ,v.v..., trụ đạo đó gọi là thân chứng.

Nói là được chánh thọ diệt, tức là người trụ học trong sự lìa bỏ ham muốn của tám địa kia, nếu là người được định diệt tận, thì người đó sẽ được gọi là thân chứng, thân chứng là pháp tương tự Niết-bàn, nên gọi là thân chứng.

Tam-muội Kim Cương dụ

Tiếp ắt sinh Tận trí

Sinh ý đời ta hết

La-hán lìa các lậu.

Tam-muội Kim Cương dụ, kế ắt sinh tận trí: Nghĩa là sinh Hữu đảnh, đạo vô ngại thứ chín, lìa dục, với tâm học sau cùng, gọi là Tam-muội Kim Cương dụ, giống như Kim Cương có công năng đập vỡ tất cả.

Kế sau sẽ sinh Tận trí: Tức là tâm vô học ban đầu này, khác với hai trí kia, là khổ tử trí, hoặc là tập tử trí. Như người kia từ Tận trí phát sinh ý nghĩ là duyên tận như thế rồi tùy thuận phát sinh tuệ, sinh ý nghĩ: Sanh tử của ta đã hết, nghĩa là bốn ấm của Phi tưởng Phi phi tưởng phải biết từ trong đây này phát sinh. Vì sao? Vì sau cùng dứt.

La-hán đã lìa các lậu, là khi Tận trí phát sinh thì tất cả lậu đều dứt hết, gọi là A-la-hán. Vì xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hàng trời, người nên gọi là A-la-hán.

Hỏi: Có bao nhiêu loại A-la-hán?

Đáp:

*Có sáu loại A-la-hán
Năm hạng từ tín sinh
Hạng đó được hai trí
Nên biết thời ly cấu.*

Có sáu loại A-la-hán là: Thối pháp, Tư pháp, Hộ pháp, Trụ pháp, Tất thẳng tiến pháp và Bất động pháp. Trong số đó, nếu là người trí yếu kém, phương tiện yếu kém, thì trước hết trí này tương ứng đầy đủ với sự thối lui, nhất định thối lui, nên gọi là hạng Thối pháp.

Nếu là người có trí, phương tiện yếu kém, thường có tướng nhàm chán thân xấu ác, nhớ nghĩ muốn hoại diệt, sau khi chết, họ sẽ thành tựu được pháp tư duy. Đó gọi là hạng Tư pháp. Nếu là người có trí yếu kém, cộng thêm sự tinh tiến, dùng sức tinh tiến để tự giữ mình, đó gọi là Hộ pháp. Nếu là người thuộc trí bậc trung bình, đều tinh tiến, họ trụ đạo này, không tiến, không lùi, thì gọi là Trụ pháp. Nếu người nào trí ít nhạy bén, rất tinh tiến thì có khả năng tiến đến địa vị Bất động, được gọi là hạng Tất thẳng tiến pháp. Nếu người nào có trí nhạy bén, tinh tiến rộng, mới được pháp bất động lần đầu, người này được gọi là hạng Bất động pháp.

Năm hạng đầu từ niềm tin sinh, sẽ được hai trí: nghĩa là trong sáu loại A-la-hán ấy, năm loại trước vốn là Tín hành. Họ có hai trí: Tận trí và chánh kiến vô học. Đôi khi, họ thối lui, nên không phát sinh Vô sinh trí, Tận trí của họ, hoặc hiện hành trong một sát na, hoặc trình tự, chánh kiến vô học sẽ hiện trước mặt, hoặc tăng trưởng. Nếu chánh kiến đó đã được biểu hiện trước mặt, phải biết, bấy giờ, họ đã ly cấu, gọi là hạng Thời giải thoát. Họ quán sát hoặc cõi nước, hoặc thời gian, hoặc bạn, hoặc nói pháp, hay ăn mặc, v.v... đều tinh tiến tu căn thiện. Phần căn thiện này, không phải bất cứ lúc nào cũng tùy sở thích muốn tu tinh tiến, nên gọi là Thời giải thoát.

*Bất động pháp: lợi căn
Là phi thời giải thoát
Người đó được ba trí
Tự giải thoát thành tựu.*

Hạng bất động pháp là hạng có căn cơ nhạy bén và giải thoát bất cứ lúc nào mình muốn (phi thời). Nghĩa là nếu người nào hoàn toàn là căn cơ nhạy bén, là pháp bất động, thì phải biết là phi thời giải thoát, vì họ đã khéo phân biệt bất cứ lúc nào cũng tùy ý thích mà tu tiến, không lệ thuộc thời gian, nên gọi là phi thời giải thoát.

Người đó được ba trí: Tận trí, Vô sinh trí và chánh kiến vô học.

Người này do không thối lui pháp, cho nên phát sinh Vô sinh trí. Tận trí của người ấy đạt trí tận trong một sát-na, và Vô sinh trí hoặc một sát-na, hoặc theo trình tự chánh kiến vô học hiện ở trước, hoặc có lúc được tinh tiến hơn, chánh kiến đó hiện ở trước.

Tự giải thoát thành tựu: Nghĩa là người đó thành tựu, giống với mình, nên gọi là Giải thoát.

Phải biết thời giải thoát, nghĩa là người đó đã quyết định lúc nào được giải thoát.

Thành tựu bất động: Nghĩa là phiền não kia không có khả năng làm xao động, cũng như ấn tín của vua, nên gọi là bất động.

Phải biết Tuệ giải thoát

Không được định Diệt tận

Chỉ có câu giải thoát

Mới được định Diệt tận.

Phải biết tuệ giải thoát không được định Diệt tận: Nghĩa là trong sáu loại A-la-hán này, nếu ai không được định Diệt tận phải biết người đó là tuệ giải thoát.

Tuệ giải thoát, nghĩa là người đó chỉ có sức của tuệ được giải thoát, nên gọi là Tuệ giải thoát. Chỉ có bậc Câu giải thoát mới thành tựu định Diệt tận. Trong sáu loại A-la-hán, nếu người nào được định Diệt tận, phải biết người đó là bậc Câu giải thoát. Vì họ nhờ sức của tuệ nên được giải thoát đối với chướng phiền não, và nhờ sức định, nên gạt bỏ mọi cản trở mà được giải thoát. Vì nghĩa này, nên gọi là Câu giải thoát. Như trên đã nói, sĩ phu, Hiền Thánh là nói lược hai hạng: Học, Vô học. Vì dứt phiền não nên học, gọi là Học, vì không phải đoạn phiền não nên gọi là Vô học. Vì sao không học? Vì học đã hoàn tất.

Đã phân biệt bậc Hiền Thánh, nay sẽ nói về sự khác nhau của người và pháp.

Nếu pháp Tùy tín hành

Và pháp Tùy pháp hành

Đạo kiến đế như vậy

Đều là đồng một tướng.

Pháp Tùy tín hành hoặc pháp Tùy pháp hành: nếu kiến đế thì đều đồng một tướng trông đạo thấy đế. Khác nhau giữa Tín hành và Pháp hành là dùng pháp đặt tên người.

Số căn trong đạo kia

Gọi là Vị tri căn

Các pháp hữu học khác

Người trí nói Tri căn.

Số các căn trong loại kiến đế kia là nói Vị tri căn, nghĩa là nếu căn số pháp thuộc về đạo kiến đế, thì gọi là ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn. Năm căn như tín, v.v... đều gọi là Vị tri căn. Vì chưa biết, muốn biết, nên gọi là Vị tri căn. Sĩ phu thuộc về kiến đạo kia nên biết căn như thế. Về các pháp hữu học khác, người trí gọi là Tri căn, nghĩa là kiến đạo trở lên, tức là pháp của các căn số này, gọi là Tri căn. Vì đã biết rồi lại biết nữa, nên gọi là Tri căn. Nếu là sĩ phu thuộc về tu đạo thì phải biết căn như thế.

Trong đó, pháp vô học

Phải biết Dĩ tri căn

Được quả, bỏ đạo trước

Nghĩa này cần phải biết.

Trong đó pháp vô học, phải biết Dĩ tri căn, nghĩa là trong pháp vô học, các căn số pháp này gọi là Dĩ tri căn. Vì biết rồi, không còn gì để biết nữa, nên gọi là Dĩ tri căn. Nếu sĩ phu thuộc về vô học, phải biết căn như thế.

Hỏi: Mỗi bậc Thánh Hiền này đều theo trình tự như trên đã nói, tất cả họ đều thành tựu đạo, mà trước đã được, hay là không được?

Đáp: Được quả rồi, bỏ đạo trước. Về nghĩa này cần phải biết. Nếu sĩ phu ấy vào đạo rồi, phải biết hạnh thắng tiến. Được quả này là do bỏ đạo trước. Vì sao? Vì không muốn cho quả kia hưởng về một. Nếu là căn thối lui và căn tinh tiến thêm lên thì người đó cũng xả đạo. Trong đó không nói là được quả Tu-đà-hoàn, xả bỏ kiến đạo được quả Tư-đà-hàm, hoặc xả bỏ kiến đạo hoặc xả bỏ đạo tốt đẹp của quả Tu-đà-hoàn để được quả A-na-hàm, hoặc xả bỏ kiến đạo hoặc xả bỏ đạo tốt đẹp của quả Tư-đà-hàm để được quả A-la-hán, bỏ quả A-na-hàm, bỏ đạo tốt đẹp của quả A-na-hàm.

Nếu là sự khác nhau của căn tinh tiến thêm lên thì bỏ đạo tốt đẹp của quả, cũng được quả, vì Hữu học, Vô học đều thuộc về căn cơ nhạ bén, xả bỏ quả cũng được quả, nếu thối lui là bỏ phần hơn, được phần kém.

Hỏi: Như người được quả đã bỏ đạo trước đây, họ cũng bỏ sự dứt chãng?

Đáp: Bỏ đạo, không phải dứt.

Đã hết là giải thoát

Được nương dựa một quả

Không nhiễm ô thứ chín

Trừ đoạn, cần nên biết.

Đã dứt hết là giải thoát, được nương dựa một quả: Nghĩa là những phiền não trước đã đoạn thì cứ một giải thoát, là được quả thâm nhiếp. Cho nên không bỏ đoạn đạo giải thoát vốn có trong đạo trước đây, được giải thoát như vậy.

Hỏi: Về việc đoạn phiền não, như trước đã nói, chúng không là cấu uế, sao lại đoạn?

Đáp: Không cấu uế, Đạo thứ chín ngoại trừ đoạn, cần phải biết, đã nói chín thứ phiền não, chín thứ đạo đoạn, sự không cấu uế đó, quyết định lúc đạo vô ngại thứ chín dứt tức khắc, chứ không phải dứt dần dần. Không cấu uế, là nói thiện hữu lậu, hành vô ký không ẩn mất, nên sắc cấu uế cũng nhất định dứt sau cùng.

Hỏi: Vì sao chín thứ phiền não dứt không phải là thiện?

Đáp: Vì trái với phiền não, nên Thánh đạo trái với phiền não, không trái với điều thiện. Vì nhằm chán phiền não ác, cũng như bỏ việc thiện là đồng một sự ràng buộc.

Hỏi: Đã nói căn tinh tiến tốt đẹp của A-la-hán, thế nào là A-la-hán được bất động?

Đáp:

*Nếu có hành tương tợ
Thì gọi được Bất động
Ấy, cũng tín giải thoát
Tánh kia cũng tăng đạo.*

Nếu có hành tương tợ thì gọi người đó là có khả năng được Bất động: Nghĩa là không phải tất cả A-la-hán đều có khả năng đạt được Bất động. Nếu danh tướng công đức, tương tợ thì người kia có khả năng đạt được, nghĩa là nhất định thăng tiến. Người này cũng tín giải thoát, tánh của họ cũng tăng trưởng đạo, đây là lời nói này thêm. Vì nếu Tín giải thoát thì tánh nhất định phải thăng tiến, có khả năng được kiến đạo chứ chẳng phải tánh khác. Sự tăng trưởng đạo, nghĩa là sự gia tăng của căn, nghĩa ấy như vậy.

Hỏi: Đã nói thứ lớp thấy đế, nhưng chưa nói về nguyên nhân của sự thấy đế, sẽ nói về nhân đó?

Đáp:

*Công đức, ác khác biệt
Thứ lớp thấy chân đế
Sức đạo vô ngại được
Quả hữu vi, vô vi.*

Công đức và tội ác khác nhau, theo thứ lớp nhận thấy chân đế: Nghĩa là trong đó, sự khác nhau của công đức qua hai đế và sự khác nhau của lỗi ác qua hai đế, đều không phải ở chỗ nhận thấy lỗi ác, thì thấy công đức, không phải thấy công đức, là thấy lỗi ác. Vì sao? Vì có sự khác nhau giữa hành và duyên. Vì chẳng phải không chân thật thấy đế mà đế không có sự gián đoạn, v.v..., cũng không phải chỉ một trí này mà có khả năng quán chung sự khác nhau giữa công đức và lỗi ác của đế. Vì nghĩa ấy, nên phải thứ lớp thấy đế.

Hỏi: Hễ thấy đế là được quả Sa-môn. Việc đó như thế nào? Là hữu vi hay là vô vi?

Đáp: Nhờ năng lực đạo vô ngại mới được quả hữu vi, vô vi. Nếu dứt phiền não là vô vi, nếu đạo giải thoát là hữu vi, hai thứ đó đều có được nhờ năng lực của đạo vô ngại. Cho nên, cả hai đều được gọi là quả Sa-môn.

* * * * *